

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4669/QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 30 tháng 11 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và nộp tiền hoàn trả kinh phí thăm dò mỏ đá vôi làm VLXD thông thường tại xã Thanh Kỳ, huyện Như Thanh và xã Tân Trường, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 1455/2016/QĐ-UBND ngày 28/4/2016 của UBND tỉnh về việc quy định danh mục và giá tối thiểu tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 1406/QĐ-UBND ngày 26/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tiền cấp quyền KTKS và nộp tiền hoàn trả kinh phí thăm dò mỏ đá vôi làm VLXD thông thường tại xã Thanh Kỳ, huyện Như Thanh và xã Tân Trường, huyện Tĩnh Gia; Quyết định số 3635/QĐ-UBND ngày 20/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản mỏ đá vôi làm VLXD thông thường tại xã Tân Trường, huyện Tĩnh Gia và xã Thanh Kỳ, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa” (*khu mỏ Công ty Cổ phần Khoáng sản Fecon Hải Đăng được cấp phép thăm dò - trữ lượng tính đến ngày 12/7/2016*);

Theo Công văn số 3778/UBND-CN ngày 20/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc đồng ý cho Công ty Cổ phần Khoáng sản Fecon Hải Đăng được tiếp tục khai thác khu vực đá vôi thuộc quyết định số 1869/QĐ-UBND ngày 17/6/2014 của UBND tỉnh; Công văn số 7563/UBND-KTTC ngày 14/7/2016 của UBND tỉnh về việc giải quyết đề nghị của Công ty Cổ phần Khoáng sản Fecon Hải Đăng về khấu trừ tiền cấp quyền KTKS đã nộp đối với chi kềm vào số tiền cấp quyền KTKS phải nộp đối với đá vôi, đất san lấp và đá phiến sét tại mỏ Quan Sơn - Hòn Nhọn, xã Thanh Kỳ, huyện Như Thanh và xã Tân Trường, huyện Tĩnh Gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1234/TTr-STNMT ngày 17 tháng 11 năm 2016 về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và nộp tiền hoàn trả kinh phí thăm dò mỏ đá vôi làm VLXD thông thường tại, xã Thanh Kỳ, huyện Như Thanh và xã Tân Trường, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá trị tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và hoàn trả kinh phí thăm dò vôi mỏ đá vôi làm VLXD thông thường tại, xã Thanh Kỳ, huyện Như Thanh và xã Tân Trường, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, gồm những nội dung chính như sau:

1. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:

a) Tổ chức, cá nhân nộp tiền: Công ty Cổ phần Khoáng sản Fecon Hải Đăng; địa chỉ: thôn Tam Sơn, xã Tân Trường, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa;

b) Giá tính tiền cấp quyền KTKS tại thời điểm lần đầu (theo Quyết định số 1455/2016/QĐ-UBND ngày 28/4/2016 của UBND tỉnh):

- $G = 65.000$ đồng/ m^3 đối với đá (đá cát kết, đá Bazan) làm VLXD thông thường;

c) Trữ lượng tính tiền cấp quyền:

$$Q = Q_1 + Q_2;$$

Trong đó:

- Q_1 là trữ lượng khoáng sản (quy ra trữ lượng địa chất) của đá vôi làm VLXD thông thường đơn vị đã khai thác từ ngày 06/4/2016 đến ngày 12/7/2016 là: $40.069 m^3$;

- Q_2 là trữ lượng khoáng sản của đá vôi làm VLXD thông thường được phê duyệt tại Quyết định số 3635/QĐ-UBND ngày 20/9/2016 của UBND tỉnh là $5.583.579 m^3$;

d) Hệ số thu hồi khoáng sản theo phương pháp khai thác lộ thiên: $K_1 = 0,9$;

đ) Hệ số điều kiện kinh tế xã hội: $K_2 = 0,95$ (tính trung bình hệ số điều kiện kinh tế xã hội của huyện Như Thanh và huyện Tĩnh Gia);

e) Mức thu tiền cấp quyền khai thác: $R = 4\%$ (Đối với than bùn và các loại vật liệu xây dựng thông thường còn lại);

f) Tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đơn vị phải nộp là:

$$T = ((Q_1 + Q_2) \times G \times K_1 \times K_2 \times R) = ((40.069 + 5.583.579)m^3 \times 65.000 \text{ đồng}/m^3 \times 0,9 \times 0,95 \times 4\%) = 13.195.889.771 \text{ đồng};$$

g) Số tiền cấp quyền khai thác Công ty Cổ phần Khoáng sản Fecon Hải Đăng đã nộp:

$$T_1 = 6.897.873.890 \text{ đồng};$$

h) Số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản còn lại đơn vị phải nộp:

$T_2 = T - T_1 = 13.195.889.771 \text{ đồng} - 6.897.873.890 \text{ đồng} = 6.298.015.881 \text{ đồng}$; (Sáu tỷ, hai trăm chín mươi tám triệu, không trăm mười lăm nghìn, tám trăm tám mươi một nghìn đồng).

i) Số năm khai thác còn lại (làm tròn) là: $X = 14$ năm;

j) Số lần nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản là: 7 lần (hoàn thành việc thu vào nửa đầu thời hạn cấp phép);

k) Số tiền phải nộp hàng năm:

$T_{hn} = 2T : X = ((2 \times 6.298.015.881 \text{ đồng}) : 14) = 899.716.554 \text{ đồng}$;

m) Số tiền nộp lần đầu: $T_{ld}=T_{hn}= 899.716.554 \text{ đồng}$ (Tám trăm chín mươi chín triệu, bảy trăm mười sáu nghìn, năm trăm năm mươi tư đồng);

l) Số tiền nộp các lần tiếp theo (từ lần 2 ÷ 7) được tính theo công thức sau:

$T_n = T_{hn} \times G_n$; Trong đó:

+ T_n là số tiền nộp lần thứ n (từ lần 2 ÷ 7);

+ T_{hn} là tiền nộp hàng năm;

+ G_n giá tính tiền cấp quyền khai thác (giá tính thuế tài nguyên) tại thời điểm nộp tiền lần thứ n ;

+ G giá tính tiền cấp quyền khai thác lần đầu;

m) Thời điểm nộp tiền:

- Lần đầu trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa;

- Các lần tiếp theo nộp trước ngày 31/3 các năm tiếp theo.

n) Diện tích huyện Như Thanh (45.564 m^2) chiếm 45,90%. Diện tích huyện Tĩnh Gia ($53.711,1 \text{ m}^2$) chiếm 54,10%.

2. Hoàn trả kinh phí thăm dò:

Mỏ đá vôi làm VLXD thông thường tại xã Thanh Kỳ, huyện Như Thanh và xã Tân Trường, huyện Tĩnh Gia được thăm dò, phê duyệt trữ lượng bằng nguồn kinh phí của Công ty Cổ phần Khoáng sản Fecon Hải Đăng với số tiền là 388.726.000 đồng. Do đó, đơn vị không phải hoàn trả kinh phí thăm dò.

Điều 2. Căn cứ nội dung Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của Nhà nước, các đơn vị có trách nhiệm:

1. Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa thông báo đến Công ty Cổ phần Khoáng sản Fecon Hải Đăng về số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp ngân sách Nhà nước theo quy định.

2. Công ty Cổ phần Khoáng sản Fecon Hải Đăng có trách nhiệm nộp số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản vào ngân sách Nhà nước theo quy định; Phối hợp với chính quyền địa phương trong việc quản lý tài trọng xe, có trách

nhiệm sửa chữa các đường giao thông hư hỏng do quá trình khai thác, vận chuyển khoáng sản gây ra;

3. UBND huyện Như Thanh, UBND huyện Tĩnh Gia, UBND xã Thanh Kỳ, UBND xã Tân Trường có trách nhiệm quản lý tải trọng của các phương tiện vận chuyển khoáng sản theo thẩm quyền.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

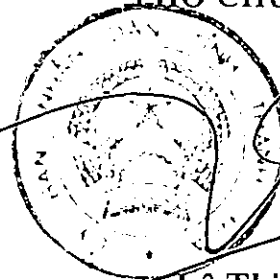
Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Như Thanh; Chủ tịch UBND huyện Tĩnh Gia; Chủ tịch UBND xã Thanh Kỳ, huyện Như Thanh; Chủ tịch UBND xã Tân Trường, huyện Tĩnh Gia; Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Fecon Hải Đăng; Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *af*

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT TT Nguyễn Đức Quyền;
- Lưu: VT, CNXDGT, KTTC (HYT34488).
QDKP 16-177

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH *clan*



Lê Thị Thìn